

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG MẦM NON KIM SƠN

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CÂN, ĐO LẦN II

Ngày 20 tháng 12 năm 2024

Stt	Tên lớp	Sĩ số lớp	Số trẻ được cân đo	Số Trẻ PTBT	số trẻ nhẹ cân	số trẻ thấp còi	số trẻ TC, BP	GHI CHÚ
1	2 Tuổi A1	20	20	19	1	0	0	
2	2 Tuổi B	18	18	18	0	0	0	
3	2 Tuổi C	18	18	18	0	0	0	
4	2 Tuổi D	14	14	14	0	0	0	
5	3 tuổi A	23	23	23	0	0	0	
6	3 tuổi B	25	25	25	0	0	0	
7	3 tuổi C	25	25	24	0	1	0	
8	3 tuổi D	24	24	24	0	0	0	
9	4 tuổi A	30	30	28	1	1	0	
10	4 tuổi B	30	30	28	1	1	0	
11	4 tuổi C	30	30	30	0	0	0	
12	4 tuổi D	23	23	22	0	1	0	
13	5 tuổi A	31	31	30	0	1	0	
14	5 tuổi B	31	31	30	0	1	0	
15	5 tuổi C	31	31	30	0	0	1	
16	5 tuổi D	25	25	25	0	0	0	
Tổng số trẻ:		398	398	388	3	6	1	
Tỷ Lệ:		100%		97.5%	0.75%	1.5%	0.25%	

NGƯỜI DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Lương

NGƯỜI TỔNG HỢP
Y TẾ

Lê Thị Thúy Ân

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
MÀM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE
Lớp 2TA1, Tháng 12, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Bùi Bình An	16/03/2023	80.0	BT	9.5	BT
2	Phạm Khánh An	20/02/2023	79.0	BT	8.5	Nhẹ cân
3	Bùi Mai Anh	16/03/2023	80.0	BT	9.5	BT
4	Nguyễn Nhật Anh	15/07/2023	83.0	BT	12.5	BT
5	Phạm Lê Thanh Vân	26/02/2023	79.0	BT	10.4	BT
6	Nguyễn Việt Hoàng	03/01/2023	82.0	BT	11.0	BT
7	Phùng Tuệ Nhi	03/01/2023	84.0	BT	11.3	BT
8	Nguyễn Thanh Yến	02/09/2023	80.0	BT	10.5	BT
9	Nguyễn Xuân Lộc	27/01/2023	82.0	BT	10.5	BT
10	Nguyễn Phúc Gia bảo	06/06/2023	78.0	BT	10.0	BT
11	Nguyễn Gia Huy	13/01/2023	89.0	BT	12.5	BT
12	Đoàn Trọng Nhân	15/01/2023	83.0	BT	11.7	BT
13	Phạm Minh Anh	14/04/2023	82.0	BT	10.5	BT
14	Bùi Thiên Hương	10/06/2023	82.0	BT	10.5	BT
15	Phan Thanh Đan	21/03/2023	84.0	BT	12.5	BT
16	Nguyễn Hải Minh	26/05/2023	82.0	BT	11.2	BT
17	Trần Anh Tú	06/02/2023	84.0	BT	11.7	BT
18	Bùi Ngọc Huyền Anh	09/03/2023	82.0	BT	10.5	BT
19	Trương Việt Anh	14/06/2023	82.0	BT	10.5	BT
20	Trần Diệu Nhi	26/04/2023	82.0	BT	11.0	BT

Tổng số trẻ cân- đo: $20/20 = 100\%$
Số trẻ SDD thể nhẹ cân: $01/20 = 5\%$
Số trẻ SDD thể thấp còi: 0

NGƯỜI TỔNG HỢP



Lê Thị Thuý Ân

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
MÃM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE
Lớp 2TB., Tháng 12, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Phan Minh Châu	17/01/2022	92.0	BT	14.8	BT
2	Lê Hải Đăng	10/04/2022	88.0	BT	11.7	BT
3	Nguyễn Trần Phúc Hưng	26/04/2022	88.0	BT	13.5	BT
4	Đặng Khánh My	15/03/2022	87.0	BT	10.5	BT
5	Nguyễn Tiến Phong	13/04/2022	87.0	BT	11.0	BT
6	Nguyễn Anh Tú	13/01/2022	90.0	BT	12.0	BT
7	Nguyễn Hưng Thịnh	14/11/2022	90.0	BT	12.0	BT
8	Nguyễn Thị Ngọc Bích	14/05/2022	86.0	BT	12.7	BT
9	Trương Gia Hân	17/01/2022	90.0	BT	14.0	BT
10	Từ Huy Hoàng	05/09/2022	88.0	BT	13.8	BT
11	Đinh Trung Hiếu	22/07/2022	89.0	BT	12.4	BT
12	Trần Thị Ánh Dương	07/01/2022	90.0	BT	12.0	BT
13	Nguyễn Linh Ngọc	31/01/2022	88.0	BT	12.0	BT
14	Phạm Tiến Đức Cảnh	05/07/2022	90.0	BT	14.5	BT
15	Đặng Thùy Linh	25/05/2022	86.0	BT	12.3	BT
16	Vũ Đức Khang	29/12/2022	84.0	BT	11.5	BT
17	Nguyễn Quỳnh Nga	18/11/2022	83.0	BT	11.0	BT
18	Trần Việt Cường	10/11/2022	82.0	BT	10.5	BT

Tổng số trẻ cân- đo: $18/18 = 100\%$
Số trẻ SDD thể nhẹ cân: 0
Số trẻ SDD thể thấp còi: 0

NGƯỜI TỔNG HỢP



Lê Thị Thuý Ân

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
MÀM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE
Lớp 2TC., Tháng 12, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình Trạng	Nặng (Kg)	Tình Trạng
1	Nguyễn Ngọc Anh	05/09/2022	82.0	BT	11.5	BT
2	Nguyễn Ngọc Lam Anh	28/07/2022	88.0	BT	13.0	BT
3	Đinh Bảo Khang	02/03/2022	93.0	BT	14.5	BT
4	Nguyễn Hà Linh	25/03/2022	88.0	BT	12.3	BT
5	Nguyễn Phương Linh	13/08/2022	89.0	BT	13.5	BT
6	Đinh Ngọc Yến Nhi	04/04/2022	85.0	BT	11.0	BT
7	Nguyễn Gia Nhi	01/02/2022	87.0	BT	12.0	BT
8	Nguyễn Quang Quý	21/08/2022	85.0	BT	10.5	BT
9	Trần Minh Tiến	05/04/2022	88.0	BT	11.2	BT
10	Phạm Chí Thanh	04/07/2022	90.0	BT	13.5	BT
11	Phùng Thị Huyền Trang	23/03/2022	86.0	BT	13.2	BT
12	Nguyễn Bảo Khánh	22/06/2022	89.0	BT	12.5	BT
13	Nguyễn Gia Hân	20/11/2022	88.0	BT	13.5	BT
14	Nguyễn Sơn Tùng	04/07/2022	85.0	BT	11.5	BT
15	Đặng Anh Thư	25/09/2022	87.0	BT	13.0	BT
16	Lê Diệu Nhi	25/07/2022	88.0	BT	13.0	BT
17	Đặng Thế Sơn	09/05/2022	87.0	BT	12.5	BT
18	Nguyễn Vũ Đức Minh	07/05/2022	86.0	BT	13.0	BT

Tổng số trẻ cân- đo: 18/18= 100%
Số trẻ SDD thể nhẹ cân: 0
Số trẻ SDD thể thấp còi: 0

NGƯỜI TỔNG HỢP



Lê Thị Thuý Ân

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
MÀM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE
Lớp 2TD., Tháng 12, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Đặng Minh Anh	05/05/2022	89.0	BT	11.0	BT
2	Đặng Minh Anh	05/11/2022	87.0	BT	11.3	BT
3	Nguyễn Hoàng Duy Anh	01/09/2022	84.0	BT	12.4	BT
4	Nguyễn Thị Hồng Anh	07/03/2022	86.0	BT	11.0	BT
5	Trần Quỳnh Anh	26/05/2022	91.0	BT	13.5	BT
6	Nguyễn Hải Đăng	31/08/2022	87.0	BT	12.2	BT
7	Lê Bảo Hà	12/07/2022	84.0	BT	11.0	BT
8	Đặng Ngọc Hoàn	31/03/2022	88.0	BT	11.4	BT
9	Nguyễn Trường Kỳ	09/08/2022	85.0	BT	10.5	BT
10	Nguyễn Quang Khải	01/04/2022	87.0	BT	11.3	BT
11	Đặng Minh Khang	05/11/2022	86.0	BT	11.0	BT
12	Đặng Anh Thư	06/07/2023	81.0	BT	10.0	BT
13	Lê Khánh Huyền	14/12/2022	84.0	BT	11.0	BT
14	Lê Văn Hiếu	16/03/2022	88.0	BT	12.5	BT

Tổng số trẻ cân- đo: 14/14= 100%
Số trẻ SDD thể nhẹ cân: 0
Số trẻ SDD thể thấp còi: 0

NGƯỜI TỔNG HỢP



Lê Thị Thuý Ân

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
MÀM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE
Lớp 3TA., Tháng 12, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Ngô Quốc An	27/07/2021	95.0	BT	14.5	BT
2	Nguyễn Khánh An	13/10/2021	97.0	BT	16.3	BT
3	Phạm Khánh An	17/08/2021	97.0	BT	15.5	BT
4	Đỗ Phương Anh	14/09/2021	93.0	BT	13.5	BT
5	Đặng Quang Bình	13/01/2021	95.0	BT	14.3	BT
6	Vũ Diệp Chi	12/01/2021	97.0	BT	15.0	BT
7	Trần Nguyễn Đức Duy	08/10/2021	94.0	BT	15.0	BT
8	Trần Ánh Dương	04/07/2021	94.0	BT	15.0	BT
9	Nguyễn Thành Đạt	10/01/2021	97.0	BT	15.5	BT
10	Nguyễn Hải Đăng	29/01/2021	97.0	BT	15.0	BT
11	Nguyễn Bảo Hân	14/09/2021	93.0	BT	14.4	BT
12	Ngô Quỳnh Hương	30/07/2021	96.0	BT	15.5	BT
13	Lê Phúc Khang	19/02/2021	94.0	BT	13.3	BT
14	Phạm Quốc Khánh	10/02/2021	101.0	BT	16.0	BT
15	Nguyễn Gia Linh	25/01/2021	96.0	BT	14.5	BT
16	Trần Thành Lộc	11/08/2021	91.0	BT	12.4	BT
17	Nguyễn Khả Ngân	06/04/2021	96.0	BT	16.5	BT
18	Lê Ngọc Băng Tâm	05/06/2021	96.0	BT	15.5	BT
19	Nguyễn Hữu Việt	27/08/2021	91.0	BT	12.0	BT
20	Đỗ Chí Hải	22/01/2021	98.0	BT	14.4	BT
21	Đặng Minh Anh	28/03/2021	97.0	BT	14.0	BT
22	Nguyễn Minh Dương	30/10/2021	96.0	BT	14.5	BT
23	Phùng Nam Khánh	22/04/2021	95.0	BT	13.5	BT

Tổng số trẻ cân- đo: 23/23= 100%
Số trẻ SDD thể nhẹ cân: 0
Số trẻ SDD thể thấp còi: 0

NGƯỜI TỔNG HỢP

Lê Thị Thuý Ân

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
MÀM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE
Lớp 3TB., Tháng 12, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Kiều Duy Anh	02/05/2021	96.0	BT	14.5	BT
2	Vũ Bảo Anh	01/09/2021	92.0	BT	15.0	BT
3	Nguyễn Hạ Băng	13/04/2021	102.0	BT	18.5	BT
4	Ngô Minh Châu	03/01/2021	96.0	BT	15.0	BT
5	Đặng Phương Chi	02/04/2021	100.0	BT	17.0	BT
6	Nguyễn Phúc Đăng	25/09/2021	91.0	BT	12.0	BT
7	Dương Ngọc Hân	11/03/2021	101.0	BT	16.5	BT
8	Phùng Duy Khánh	25/03/2021	100.0	BT	15.5	BT
9	Trần Gia Khánh	29/06/2021	96.0	BT	14.5	BT
10	Phạm Nguyễn Minh Khôi	05/08/2021	96.0	BT	15.0	BT
11	Nguyễn Gia Linh	30/12/2021	90.0	BT	12.7	BT
12	Ngô Khôi Nguyên	25/06/2021	98.0	BT	17.5	BT
13	Nguyễn Minh Tiến	25/06/2021	94.0	BT	14.5	BT
14	Nguyễn Xuân Thái	26/09/2021	94.0	BT	14.6	BT
15	Nguyễn Minh Tùng	25/06/2021	94.0	BT	15.0	BT
16	Bùi Nhã Tuyết	11/08/2021	94.0	BT	13.8	BT
17	Nguyễn Đức Thành	01/03/2021	100.0	BT	18.0	BT
18	Đào Minh Thư	17/11/2021	92.0	BT	13.5	BT
19	Trịnh Công Vinh	22/03/2021	99.0	BT	13.5	BT
20	Phạm Ngọc Ánh	08/09/2021	96.0	BT	13.5	BT
21	Nguyễn Minh Châu	22/10/2021	97.0	BT	13.5	BT
22	Nguyễn Bảo Ngọc	23/01/2021	99.0	BT	14.0	BT
23	Hoàng Gia Minh	16/11/2021	98.0	BT	13.5	BT
24	Nguyễn Quang Nhật	26/01/2021	97.0	BT	14.0	BT
25	Trần Thảo Linh	30/05/2021	99.0	BT	14.0	BT

Tổng số trẻ cân- đo: 25/25= 100%
Số trẻ SDD thể nhẹ cân: 0
Số trẻ SDD thể thấp còi: 0

NGƯỜI TỔNG HỢP

Lê Thị Thuý Ân

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
MÀM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE
Lớp 3TC., Tháng 12, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Vũ Huyền Anh	05/12/2021	91.0	BT	14.0	BT
2	Bùi Xuân Bảo	10/11/2021	94.0	BT	15.5	BT
3	Lê Hạ Băng	25/07/2021	101.0	BT	18.0	BT
4	Trần Quang Hải	11/08/2021	96.0	BT	16.0	BT
5	Phạm Gia Hân	06/07/2021	95.0	BT	15.0	BT
6	Lê Gia Huy	28/06/2021	100.0	BT	16.0	BT
7	Phạm Gia Huy	06/07/2021	92.0	BT	13.0	BT
8	Yên Bảo Khang	25/09/2021	95.0	BT	15.5	BT
9	Đặng Vĩ Khôi	09/08/2021	93.0	BT	13.5	BT
10	Trần Văn Lâm	03/03/2021	93.0	Thấp còi	14.5	BT
11	Bùi Thảo Linh	20/03/2021	95.0	BT	13.5	BT
12	Nguyễn Đăng Bảo Minh	03/10/2021	98.0	BT	15.5	BT
13	Nguyễn Hoàng Minh	25/12/2021	90.0	BT	13.0	BT
14	Dương Hà My	25/03/2021	97.0	BT	14.5	BT
15	Trần Tuệ Nhi	13/05/2021	97.0	BT	15.0	BT
16	Lê An Nhiên	10/02/2021	106.0	BT	19.5	BT
17	Phạm Quỳnh Như	04/03/2021	98.0	BT	17.0	BT
18	Phạm Công Phúc	10/03/2021	102.0	BT	18.5	BT
19	Nguyễn Ngọc Phượng	27/10/2021	95.0	BT	14.5	BT
20	Nguyễn Minh Quân	17/05/2021	96.0	BT	14.7	BT
21	Nguyễn Anh Tuấn	06/02/2021	95.0	BT	13.5	BT
22	Tạ Đức Thắng	24/02/2021	103.0	BT	16.0	BT
23	Nguyễn Minh Thư	08/09/2021	92.0	BT	14.3	BT
24	Đặng Tiểu Vy	06/04/2021	96.0	BT	14.2	BT
25	Vũ Bảo Khang	05/05/2021	98.0	BT	14.5	BT

Tổng số trẻ cân- đo: 25/25= 100%
Số trẻ SDD thể nhẹ cân: 0
Số trẻ SDD thể thấp còi: 1/25 = 4%

NGƯỜI TỔNG HỢP

Lê Thị Thuý Ân

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
MÀM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE
Lớp 3TD., Tháng 12, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Đặng Huyền Anh	11/10/2021	89.0	BT	12.5	BT
2	Đặng Phương Anh	30/04/2021	93.0	BT	12.3	BT
3	Nguyễn Thanh Bình	05/09/2021	95.0	BT	13.0	BT
4	Ngô Minh Đức	21/07/2021	100.0	BT	14.0	BT
5	Nguyễn Gia Hân	04/11/2021	96.0	BT	13.3	BT
6	Lê Gia Huy	26/02/2021	100.0	BT	14.5	BT
7	Đặng Ánh Kim	23/05/2021	95.0	BT	13.0	BT
8	Nguyễn Bảo Ngọc	30/08/2021	99.0	BT	15.0	BT
9	Nguyễn Thiên Phúc	06/05/2021	95.0	BT	12.4	BT
10	Đặng Đức Quang	03/04/2021	97.0	BT	14.0	BT
11	Đỗ Minh Quân	10/04/2021	102.0	BT	18.5	BT
12	Lê Gia Toàn	22/02/2021	100.0	BT	15.5	BT
13	Chu Thị Cẩm Tú	02/12/2021	88.0	BT	11.0	BT
14	Đặng Thanh Tùng	21/02/2021	96.0	BT	13.5	BT
15	Đặng Tiến Thuận	27/09/2021	92.0	BT	13.5	BT
16	Đặng Anh Thư	26/03/2021	98.0	BT	13.5	BT
17	Đặng Uyên Thư	03/10/2021	93.0	BT	14.0	BT
18	Đặng Minh Trí	08/03/2021	96.0	BT	14.5	BT
19	Đoàn Thanh Trúc	14/03/2021	99.0	BT	15.5	BT
20	Phạm Ngọc Thanh Trúc	08/04/2021	100.0	BT	15.0	BT
21	Đỗ Quỳnh Anh	18/02/2021	95.0	BT	14.0	BT
22	Lê Thị Thu Huyền	26/09/2021	97.0	BT	13.0	BT
23	Đặng Anh Tuấn	08/09/2021	92.0	BT	12.0	BT
24	Tăng Hồng Phúc	10/07/2021	99.0	BT	15.0	BT

Tổng số trẻ cân- đo: 24/24= 100%

Số trẻ SDD thể nhẹ cân: 0

Số trẻ SDD thể thấp còi: 0

NGƯỜI TỔNG HỢP



Lê Thị Thuý Ân

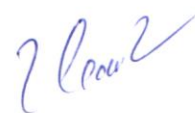
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
MÀM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE
Lớp 4TA., Tháng 12, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Vũ Ngọc Tâm An	22/04/2020	103.0	BT	19.0	BT
2	Lê Ngọc Quang Phú	08/01/2020	101.0	BT	15.5	BT
3	Nguyễn Tú Anh	22/08/2020	102.0	BT	15.6	BT
4	Trần Tuấn Anh	28/10/2020	104.0	BT	15.5	BT
5	Đào Gia Bảo	22/04/2020	103.0	BT	15.6	BT
6	Nguyễn Gia Bảo	06/01/2020	102.0	BT	16.0	BT
7	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	12/08/2020	100.0	BT	14.0	BT
8	Đỗ Bảo Diệp Chi	16/01/2020	108.0	BT	19.0	BT
9	Nguyễn Gia Hân	10/07/2020	102.0	BT	15.5	BT
10	Tăng Lê Thanh Huyền	02/07/2020	100.0	BT	14.3	BT
11	Bùi Xuân Khang	08/09/2020	98.0	BT	13.4	BT
12	Nguyễn Minh Khang	01/05/2020	96.0	Thấp còi	12.2	Nhẹ cân
13	Hoàng Trung Khôi	13/11/2020	99.0	BT	14.8	BT
14	Bùi Lê Nhật Anh	16/10/2020	103.0	BT	14.5	BT
15	Đặng Hà Minh	13/08/2020	106.0	BT	18.5	BT
16	Nguyễn Anh Minh	04/10/2020	105.0	BT	16.0	BT
17	Dương Hà My	23/06/2020	105.0	BT	17.5	BT
18	Phạm Nhật Nam	19/10/2020	102.0	BT	16.5	BT
19	Cao Bảo Ngọc	07/07/2020	102.0	BT	13.5	BT
20	Nguyễn Bảo Ngọc	10/07/2020	99.0	BT	17.5	BT
21	Nguyễn Nhật Minh	18/03/2020	107.0	BT	19.0	BT
22	Trịnh Trung Nguyên	18/02/2020	108.0	BT	19.4	BT
23	Bùi Yến Nhi	17/02/2020	103.0	BT	16.5	BT
24	Nguyễn Đức Bảo Phúc	22/10/2020	110.0	BT	19.5	BT
25	Nguyễn Minh Phúc	13/08/2020	100.0	BT	14.0	BT
26	Nguyễn Đức Tâm	18/01/2020	101.0	BT	15.5	BT
27	Nguyễn Anh Thư	05/02/2020	100.0	BT	15.5	BT
28	Nguyễn Quỳnh Thư	20/04/2020	109.0	BT	20.5	BT
29	Nguyễn Ngọc Trâm	04/08/2020	100.0	BT	14.0	BT
30	Nguyễn Trần Việt Anh	06/07/2020	101.0	BT	14.5	BT

Tổng số trẻ cân- đo: 30/30 = 100%
Số trẻ SDD thể nhẹ cân: 01/30 = 3.3%
Số trẻ SDD thể thấp còi: 01/30 = 3.3%

NGƯỜI TỔNG HỢP



Lê Thị Thuý Ân

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
MÀM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE
Lớp 4TB., Tháng 12, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Ngô Mỹ Anh	31/03/2020	106.0	BT	15.5	BT
2	Trần Nguyễn Quỳnh Anh	24/02/2020	103.0	BT	19.0	BT
3	Trần Phạm Đức Anh	20/09/2020	107.0	BT	16.0	BT
4	Nguyễn Gia Bảo	02/01/2020	96.0	Thấp còi	12.7	Nhẹ cân
5	Lê Lộc Bình	12/08/2020	104.0	BT	17.0	BT
6	Phan Bảo Châu	18/12/2020	102.0	BT	14.5	BT
7	Nguyễn Ngọc Diệp	02/03/2020	102.0	BT	15.0	BT
8	Nguyễn Anh Duy	19/08/2020	101.0	BT	15.5	BT
9	Nguyễn Tùng Dương	21/05/2020	104.0	BT	18.0	BT
10	Đặng Minh Đạt	06/05/2020	106.0	BT	17.4	BT
11	Nguyễn Quang Hải	06/10/2020	101.0	BT	14.3	BT
12	Nguyễn Gia Hân	20/10/2020	98.0	BT	15.0	BT
13	Trần Gia Hân	20/02/2020	105.0	BT	15.5	BT
14	Tạ Ngọc Hiếu	05/09/2020	106.0	BT	16.5	BT
15	Ngô Huy Hoàng	10/08/2020	99.0	BT	14.5	BT
16	Phùng Văn Hường	04/06/2020	115.0	BT	22.0	BT
17	Bùi Tuấn Khang	26/08/2020	105.0	BT	15.0	BT
18	Lê Minh Hoàng Khôi	10/12/2020	106.0	BT	17.0	BT
19	Nguyễn Dương Việt Khôi	05/07/2020	105.0	BT	16.4	BT
20	Đỗ Tùng Lâm	10/01/2020	109.0	BT	18.5	BT
21	Ngô Minh Long	08/01/2020	109.0	BT	16.5	BT
22	Nguyễn Quỳnh Như	26/08/2020	101.0	BT	16.3	BT
23	Phạm Minh Phong	11/03/2020	115.0	BT	22.0	BT
24	Nguyễn Hồng Phúc	31/08/2020	105.0	BT	15.5	BT
25	Nguyễn Hà Phương	19/08/2020	97.0	BT	14.0	BT
26	Trần Ngọc Phượng	09/12/2020	101.0	BT	15.4	BT
27	Trần Trường Sơn	07/03/2020	103.0	BT	15.0	BT
28	Hà Thái Toàn	14/09/2020	100.0	BT	14.0	BT
29	Nguyễn Anh Tuấn	20/11/2020	106.0	BT	17.5	BT
30	Nguyễn Anh Thư	24/01/2020	105.0	BT	16.5	BT

Tổng số trẻ cân- đo: 30/30= 100%

Số trẻ SDD thể nhẹ cân: 01/30= 3.3%

Số trẻ SDD thể thấp còi: 01/30= 3.3%

NGƯỜI TỔNG HỢP



Lê Thị Thuý Ân

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
MÀM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE
Lớp 4TC., Tháng 12, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Đặng Minh Anh	17/06/2020	106.0	BT	15.5	BT
2	Hoàng Mai Anh	07/11/2020	102.0	BT	15.0	BT
3	Nguyễn Quỳnh Anh	23/06/2020	98.0	BT	14.5	BT
4	Vũ Quỳnh Anh	13/11/2020	106.0	BT	15.4	BT
5	Đỗ Gia Bảo	29/05/2020	102.0	BT	16.0	BT
6	Hà Gia Bảo	20/05/2020	109.0	BT	17.0	BT
7	Nguyễn Thái Bình	18/08/2020	106.0	BT	20.0	BT
8	Nguyễn Đức Chung	15/03/2020	105.0	BT	19.0	BT
9	Vũ Minh Duy	01/09/2020	99.0	BT	15.0	BT
10	Nguyễn Đại Dương	24/11/2020	104.0	BT	16.0	BT
11	Nguyễn Minh Đức	24/12/2020	97.0	BT	14.4	BT
12	Nguyễn Gia Huy	28/04/2020	104.0	BT	15.0	BT
13	Bùi Duy Hưng	03/11/2020	105.0	BT	14.5	BT
14	Nguyễn Gia Khánh	05/09/2020	100.0	BT	16.0	BT
15	Lê Hoàng Lan	19/01/2020	112.0	BT	18.0	BT
16	Lưu Diệu Linh	02/02/2020	103.0	BT	15.0	BT
17	Nguyễn Gia Linh	11/08/2020	105.0	BT	15.0	BT
18	Nguyễn Gia Linh	21/06/2020	105.0	BT	17.0	BT
19	Lê Hà My	11/06/2020	101.0	BT	16.0	BT
20	Nguyễn Hạnh Kim Ngân	28/09/2020	104.0	BT	15.5	BT
21	Nguyễn Đức Nhân	27/04/2020	100.0	BT	14.0	BT
22	Hoàng Minh Nhật	01/05/2020	103.0	BT	16.0	BT
23	Trần Minh Quân	07/12/2020	105.0	BT	17.0	BT
24	Vũ Minh Tâm	20/01/2020	113.0	BT	19.5	BT
25	Đỗ Anh Thư	16/09/2020	100.0	BT	15.5	BT
26	Nguyễn Minh Trí	21/10/2020	101.0	BT	15.5	BT
27	Trịnh Chấn Vũ	13/01/2020	108.0	BT	15.4	BT
28	Ngô Hà Vy	16/05/2020	107.0	BT	17.0	BT
29	Phạm Trúc Vy	25/10/2020	106.0	BT	17.4	BT
30	Phạm Trung Kiên	24/04/2020	102.0	BT	15.5	BT

Tổng số trẻ cân- đo: 30/30= 100%
Số trẻ SDD thể nhẹ cân: 0
Số trẻ SDD thể thấp còi: 0

NGƯỜI TỔNG HỢP


Lê Thị Thuý Ân

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
MÀM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE
Lớp 4TD., Tháng 12, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Nguyễn Thùy Anh	24/03/2020	107.0	BT	18.0	BT
2	Bùi Thảo Đan	06/04/2020	104.0	BT	18.0	BT
3	Nguyễn Ngọc Linh Đan	23/12/2020	101.0	BT	18.5	BT
4	Nguyễn hải đăng	03/05/2020	101.0	BT	15.5	BT
5	Nguyễn Ngọc Gia hân	03/01/2020	108.0	BT	17.0	BT
6	NGUYỄN THANH HUYỀN	27/07/2020	97.0	BT	13.5	BT
7	Đặng Tuấn Khang	28/05/2020	110.0	BT	19.5	BT
8	Lê Bảo Khang	13/06/2020	99.0	BT	15.0	BT
9	Nguyễn hữu minh khôi	07/12/2020	99.0	BT	15.0	BT
10	Đỗ Minh Khôi	20/03/2020	102.0	BT	16.5	BT
11	Nguyễn Anh Khôi	11/02/2020	104.0	BT	14.5	BT
12	Đặng Tuệ Lâm	03/05/2020	101.0	BT	17.6	BT
13	Nguyễn Ngọc Bảo Linh	01/09/2020	101.0	BT	15.0	BT
14	Lê Bảo Long	27/11/2020	96.0	BT	16.4	BT
15	Đặng Lê Gia Minh	24/07/2020	106.0	BT	15.5	BT
16	Đặng Thiên my	24/03/2020	103.0	BT	16.0	BT
17	Đặng Như ngọc	15/02/2020	96.0	Thấp còi	14.2	BT
18	Đặng BẢO Ngọc	29/09/2020	103.0	BT	17.5	BT
19	Nguyễn Tiến Phát	15/11/2020	96.0	BT	15.0	BT
20	Đặng Minh Phúc	22/04/2020	103.0	BT	16.5	BT
21	Nguyễn Quỳnh Thu	22/11/2020	97.0	BT	15.0	BT
22	Nguyễn Ánh Tuyết	20/02/2020	103.0	BT	15.5	BT
23	Nguyễn Minh Tùng	04/01/2020	110.0	BT	18.5	BT

Tổng số trẻ cân- đo: 23/23= 100%

Số trẻ SDD thể nhẹ cân: 0

Số trẻ SDD thể thấp còi: 1/23= 4.3%

NGƯỜI TỔNG HỢP



Lê Thị Thuý Ân

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
MÀM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE
Lớp 5TA., Tháng 12, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng	BMI
1	Bùi Diệu Anh	21/12/2019	106.0	BT	17.5	BT	15.6
2	Đặng thân Duy Anh	28/05/2019	115.0	BT	18.5	BT	14.0
3	Mai Bảo Anh	17/12/2019	101.0	BT	14.3	BT	14.0
4	Nguyễn Hà Anh	09/11/2019	108.0	BT	19.5	BT	16.7
5	Tạ Minh Anh	16/09/2019	103.0	BT	14.5	BT	13.7
6	Đinh Trần Gia Bảo	02/01/2019	108.0	BT	17.5	BT	15.0
7	Đinh Bảo Châu	04/06/2019	116.0	BT	22.0	BT	16.3
8	Đỗ Ánh Dương	17/04/2019	104.0	BT	15.0	BT	13.9
9	Lê Trung Hiếu	22/01/2019	110.0	BT	19.6	BT	16.2
10	Trần Minh Khang	16/09/2019	110.0	BT	17.4	BT	14.4
11	Đặng Trí Lâm	28/08/2019	115.0	BT	18.5	BT	14.0
12	Nguyễn Tuệ Lâm	19/10/2019	110.0	BT	17.0	BT	14.0
13	Phùng Gia Linh	22/02/2019	105.0	BT	15.3	BT	13.9
14	Trần Khánh Ly	20/09/2019	112.0	BT	18.5	BT	14.7
15	Đinh Thành Nam	06/09/2019	106.0	BT	15.3	BT	13.6
16	Nguyễn Yến Nhi	04/03/2019	106.0	BT	15.3	BT	13.6
17	Nguyễn Hải Phong	24/03/2019	110.0	BT	17.5	BT	14.5
18	Đinh Đức Toàn	22/02/2019	117.0	BT	20.0	BT	14.6
19	Nguyễn Hưng Thịnh	01/07/2019	115.0	BT	21.5	BT	16.3
20	Nguyễn Thanh Trà	22/01/2019	115.0	BT	18.5	BT	14.0
21	Nguyễn Thanh Trà	09/03/2019	110.0	BT	18.0	BT	14.9
22	Lê Bảo Trâm	02/10/2019	91.0	Thấp còi	14.5	BT	17.5
23	Lê Quốc Trung	27/10/2019	112.0	BT	19.6	BT	15.6
24	Bùi Quốc Vượng	17/12/2019	107.0	BT	18.0	BT	15.7
25	Nguyễn Thùy Trang	09/05/2019	113.0	BT	18.5	BT	14.5
26	Phạm Đức Thiện	12/12/2019	110.0	BT	18.5	BT	15.3
27	Trần Phương Thảo	19/12/2019	107.0	BT	18.0	BT	15.7
28	Nguyễn Phương Thảo	02/08/2019	108.0	BT	17.0	BT	14.6
29	Nguyễn Minh Tùng	08/07/2019	106.0	BT	17.5	BT	15.6
30	Nguyễn Thị Như Quỳnh	01/10/2019	102.0	BT	16.4	BT	15.8
31	Phạm Thu Phương	18/09/2019	110.0	BT	18.5	BT	15.3

Tổng số trẻ cân- đo: 31/31= 100%
Số trẻ SDD thể nhẹ cân: 0
Số trẻ SDD thể thấp còi: 1/31= 3.2 %

NGƯỜI TỔNG HỢP

Lê Thị Thuý Ân

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
MÀM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE
Lớp 5TB., Tháng 12, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng	BMI
1	Nguyễn Khánh An	14/07/2019	116.0	BT	21.5	BT	16.0
2	Nguyễn Quỳnh Anh	21/08/2019	108.0	BT	16.0	BT	13.7
3	Nguyễn Tuấn Anh	13/12/2019	108.0	BT	20.5	BT	17.6
4	Nguyễn Minh Châu	20/06/2019	112.0	BT	20.4	BT	16.3
5	Nguyễn Thị Ánh Dương	27/04/2019	111.0	BT	18.5	BT	15.0
6	Trương Thoại Đức	12/08/2019	115.0	BT	21.5	BT	16.3
7	Đặng Bùi Thanh Hải	02/11/2019	97.0	Thấp còi	15.0	BT	15.9
8	Lê Vũ Ngọc Hân	03/10/2019	110.0	BT	17.0	BT	14.0
9	Nguyễn Bảo Hân	02/09/2019	110.0	BT	18.5	BT	15.3
10	Nguyễn Trần Bảo Hân	06/03/2019	107.0	BT	17.4	BT	15.2
11	Phạm Bùi Minh Hiếu	22/04/2019	118.0	BT	23.0	BT	16.5
12	Trần Minh Khang	13/05/2019	113.0	BT	21.0	BT	16.4
13	Đặng Phạm Minh Khôi	13/11/2019	110.0	BT	20.0	BT	16.5
14	Nguyễn Anh Khôi	25/10/2019	105.0	BT	15.5	BT	14.1
15	Nguyễn Quân Lâm	20/12/2019	118.0	BT	23.0	BT	16.5
16	Nguyễn Thanh Lâm	10/10/2019	107.0	BT	19.0	BT	16.6
17	Đoàn Phúc Lộc	23/12/2019	107.0	BT	17.0	BT	14.8
18	Đỗ Thị Kiều Mai	02/11/2019	112.0	BT	19.5	BT	15.5
19	Phạm Anh Minh	27/12/2019	110.0	BT	18.5	BT	15.3
20	Chu Tuệ Nhi	14/03/2019	113.0	BT	21.0	BT	16.4
21	Trần Đăng Quang	20/12/2019	104.0	BT	17.5	BT	16.2
22	Trịnh Minh Quân	24/08/2019	110.0	BT	18.5	BT	15.3
23	Vũ Hồng Quân	26/09/2019	110.0	BT	19.0	BT	15.7
24	Vũ Thanh Trúc	07/02/2019	112.0	BT	17.5	BT	14.0
25	Nguyễn Đức Anh Vũ	27/05/2019	110.0	BT	19.5	BT	16.1
26	Trần Hải Vy	26/09/2019	118.0	BT	23.5	BT	16.9
27	Đoàn trung Nam	17/04/2019	108.0	BT	15.5	BT	13.3
28	Phùng Gia Hưng	11/07/2019	113.0	BT	18.0	BT	14.1
29	Dương Ngọc Châu	07/03/2019	112.0	BT	19.5	BT	15.5
30	Đặng Gia Phong	22/07/2019	112.0	BT	20.5	BT	16.3
31	Đặng An Nhiên	05/11/2019	102.0	BT	16.5	BT	15.9

Tổng số trẻ cân- đo: 31/12= 100%
Số trẻ SDD thể nhẹ cân: 0
Số trẻ SDD thể thấp còi: 1/31= 3.2%

NGƯỜI TỔNG HỢP

Lê Thị Thuý Ân

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
MÀM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE
Lớp 5TC., Tháng 12, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng	BMI
1	Trịnh Bảo An	06/06/2019	111.0	BT	20.5	BT	16.6
2	Đặng Nhật Anh	04/06/2019	112.0	BT	20.0	BT	15.9
3	Đoàn Đặng Thùy Anh	08/09/2019	110.0	BT	17.4	BT	14.4
4	Nguyễn Kim Anh	31/07/2019	115.0	BT	21.0	BT	15.9
5	Phạm Minh Anh	04/05/2019	113.0	BT	21.5	BT	16.8
6	Tăng Quỳnh Anh	25/09/2019	108.0	BT	17.3	BT	14.8
7	Đỗ Nguyên Bình	27/10/2019	110.0	BT	20.0	BT	16.5
8	Hồ Nguyễn Minh Đức	25/01/2019	115.0	BT	19.5	BT	14.7
9	Vũ Minh Đức	25/01/2019	113.0	BT	20.5	BT	16.1
10	Nguyễn Quang Hải	19/10/2019	110.0	BT	20.0	BT	16.5
11	Nguyễn Trần Gia Hân	28/05/2019	114.0	BT	20.0	BT	15.4
12	Mai Huy Hoàng	22/07/2019	110.0	BT	18.0	BT	14.9
13	Nguyễn Gia Hưng	12/04/2019	110.0	BT	19.0	BT	15.7
14	Lại Minh Khang	18/05/2019	122.0	BT	34.0	Béo phì	22.8
15	Nguyễn Minh Khang	06/11/2019	105.0	BT	15.3	BT	13.9
16	Tăng Bá Minh Khang	26/02/2019	120.0	BT	20.5	BT	14.2
17	Nguyễn Anh Khoa	10/01/2019	106.0	BT	16.0	BT	14.2
18	Nguyễn Minh Khôi	23/12/2019	110.0	BT	19.0	BT	15.7
19	Hoàng Phương Linh	04/02/2019	108.0	BT	18.3	BT	15.7
20	Trần Gia Linh	27/11/2019	110.0	BT	18.0	BT	14.9
21	Nguyễn Thị Hồng Ngân	24/01/2019	115.0	BT	21.5	BT	16.3
22	Lê Bảo Ngọc	13/10/2019	115.0	BT	18.0	BT	13.6
23	Lê Ngọc An Nhiên	11/03/2019	112.0	BT	17.0	BT	13.6
24	Nguyễn Quỳnh Như	05/01/2019	114.0	BT	18.3	BT	14.1
25	Đinh Trường Phúc	28/10/2019	108.0	BT	17.4	BT	14.9
26	Tô Hoàng Sơn	16/05/2019	106.0	BT	15.8	BT	14.1
27	Vũ Phương Thảo	14/09/2019	106.0	BT	16.0	BT	14.2
28	Trần Đức Thắng	28/10/2019	111.0	BT	17.5	BT	14.2
29	Nguyễn Anh Thư	19/09/2019	112.0	BT	20.0	BT	15.9
30	Lê Quỳnh Trang	06/11/2019	110.0	BT	19.0	BT	15.7
31	Trần Quang Vũ	23/09/2019	104.0	BT	17.0	BT	15.7

Tổng số trẻ cân- đo: 31/31= 100%
Số trẻ SDD thể nhẹ cân: 0
Số trẻ SDD thể thấp còi: 0
Số trẻ thừa cân- béo phì: 01/31= 3.2%

NGƯỜI TỔNG HỢP

Lê Thị Thuý Ân

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
MÀM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE
Lớp 5TD., Tháng 12, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng	BMI
1	Đặng Diệp Quỳnh Anh	31/08/2019	103.0	BT	16.3	BT	15.4
2	Lê Quỳnh Anh	28/08/2019	114.0	BT	21.5	BT	16.5
3	Vũ Ngọc Bảo Anh	27/10/2019	107.0	BT	18.8	BT	16.4
4	Đặng Tùng Bách	06/06/2019	108.0	BT	19.0	BT	16.3
5	Đặng Bảo Châm	30/04/2019	110.0	BT	18.5	BT	15.3
6	Đỗ Hải Diễm	30/11/2019	106.0	BT	17.4	BT	15.5
7	Đoàn Linh Đan	04/05/2019	107.0	BT	18.5	BT	16.2
8	Nguyễn Gia hân	18/03/2019	111.0	BT	17.4	BT	14.1
9	Đặng Gia Hân	02/01/2019	106.0	BT	18.0	BT	16.0
10	Đặng Lê Gia Hân	26/10/2019	103.0	BT	17.0	BT	16.0
11	Đặng Ngọc Hân	18/03/2019	106.0	BT	16.3	BT	14.5
12	Đặng Ngọc Hân	12/01/2019	105.0	BT	18.5	BT	16.8
13	Lê Gia Hân	15/07/2019	115.0	BT	21.6	BT	16.3
14	Nguyễn Bảo Hân	12/08/2019	108.0	BT	18.5	BT	15.9
15	Nguyễn Ngọc Mai Hân	28/10/2019	107.0	BT	17.5	BT	15.3
16	Đặng Quang Huy	09/02/2019	111.0	BT	20.5	BT	16.6
17	Nguyễn Đức Huy	18/05/2019	110.0	BT	18.5	BT	15.3
18	Đặng Minh Khôi	21/02/2019	112.0	BT	19.0	BT	15.1
19	Lê Thị Ngọc Minh	27/04/2019	106.0	BT	18.0	BT	16.0
20	Lê Phương Thảo My	03/01/2019	110.0	BT	16.0	BT	13.2
21	Lê Thị Trà My	17/12/2019	108.0	BT	17.5	BT	15.0
22	Đặng Bảo Ngọc	17/09/2019	107.0	BT	17.5	BT	15.3
23	Nguyễn Bảo Ngọc	04/09/2019	106.0	BT	17.5	BT	15.6
24	Nguyễn Ngọc Nhi	03/11/2019	109.0	BT	19.0	BT	16.0
25	Phạm Tiến Dũng	03/04/2018	125.0	BT	26.0	BT	16.6

Tổng số trẻ cân- đo: 25/25= 100%
Số trẻ SDD thể nhẹ cân: 0
Số trẻ SDD thể thấp còi: 0

NGƯỜI TỔNG HỢP

Lê Thị Thuý Ân